

Bến Tre, ngày 17 tháng 02 năm 2024

PHẪU YÊU CẦU BÁO GIÁ
Hạng mục: Thi công sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất

Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-KSBT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất tại cơ sở 1

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật đã đăng tải Kế hoạch lựa chọn nhà thầu ngày 26 tháng 02 năm 2024, KHLCNT PL2400022663 trên trang muasamcong.mpi.gov.vn

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre kính mời các Công ty có đầy đủ hồ sơ pháp lý và năng lực thực hiện sửa chữa tại tại số 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, chi tiết khối lượng thực hiện như sau :

STT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
	I. Cải tạo, sửa chữa phòng máy X-Quang				
1	Tháo dỡ vách thạch cao hiện hữu	m2	34.54		
2	Gia công, lắp dựng vách Alu dày 5mm	m2	34.54		
3	Sửa chữa cửa đi ốp chì hiện hữu (thay mới máng treo, ray trượt, bánh xe cho cửa, sơn dầu mới cho cửa)	m2	6.67		
4	Đục nhám bề mặt tường hiện hữu để ốp gạch men	m2	15.72		
5	Ốp tường - Tiết diện gạch $\leq 0,16m^2$, vữa XM M25, PCB40	m2	15.72		
6	Vệ sinh sạch bề mặt sê nô hiện hữu	m2	13.43		
7	Quét dung dịch chống thấm sê nô mái 3 nước	m2	13.43		
8	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt tường hiện hữu	m2	81.17		
9	Công tác bả bằng bột bả vào các kết cấu - tường trong nhà	m2	22.00		
10	Công tác bả bằng bột bả vào các kết cấu - tường ngoài nhà	m2	59.17		
11	Sơn chống ố cho tường ngoài nhà đã bả bằng sơn gốc acrylic (2 nước)	m2	59.17		
12	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà đã bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	130.02		
13	Sơn dầm, trần, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	67.64		
	II. Sửa chữa nắp bể chứa nước cấp PCCC				

STT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
14	Cung cấp, lắp đặt nắp bể, quy cách D=1000mm (khung sắt sơn dầu + ốp tôn phẳng tráng kẽm dày 0,5mm)	cái	1.00		
	III. Sửa chữa nền hội trường lớn khu hành chính				
15	Phá dỡ gạch nền hiện hữu	m2	3.36		
16	Phá dỡ nền - Nền láng vữa xi măng	m2	3.36		
17	Láng nền, sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM M75, PCB40	m2	3.36		
18	Lát nền, sàn gạch - Tiết diện gạch $\leq 0,16m^2$, vữa XM M75, XM PCB40	m2	3.36		
	IV. Xây gờ chắn nước tại cửa ra vào khu hành chính, cửa kho				
19	Cất nền gạch hiện hữu	10m	2.07		
20	Phá dỡ nền gạch hiện hữu	m2	2.41		
21	Bê tông gờ chắn SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng $\leq 250cm$, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0.17		
22	Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,09m^2$, vữa XM PCB40 M75	m2	4.14		
	V. Sửa chữa gạch ốp tường khu xét nghiệm				
23	Tháo dỡ gạch ốp tường	m2	3.08		
24	Trát vữa dậm vá tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	3.08		
25	Công tác ốp gạch vào tường, tiết diện gạch $\leq 0,09m^2$, vữa XM PCB40 M75	m2	3.08		
	VI. Sửa chữa, nâng nền lối đi vào nhà vệ sinh chung của khu tiêm ngừa				
26	Tháo dỡ các cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện $\leq 100kg$	cấu kiện	18.00		
27	Xây tường thẳng bằng gạch đất sét nung 4x8x19cm - Chiều dày $\leq 30cm$, chiều cao $\leq 6m$, vữa XM M75, PCB40	m3	1.21		
28	Trát tường ngoài dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	20.10		
29	Đắp cát nâng nền bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90	100m3	0.02		
30	Bê tông nền, SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng $\leq 250cm$, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0.71		
31	Láng nền, sàn không đánh màu, dày 2cm, vữa XM M75, PCB40	m2	14.18		
32	Lắp dựng các cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện $\leq 100kg$ (tận dụng tấm đan cũ)	cấu kiện	18.00		
	VII. Sửa chữa nhà vệ sinh chung Khu khám				
33	Bê tông móng để máy giặt SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều rộng $\leq 250cm$, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0.05		

STT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
34	Láng nền, sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM M75, PCB40	m2	6.62		
35	Lát nền, sàn gạch - Tiết diện gạch $\leq 0,09m^2$, vữa XM M75, XM PCB40	m2	6.62		
36	Ốp chân tường - Tiết diện gạch $\leq 0,036m^2$	m2	0.30		
37	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt - tường	m2	47.02		
38	Công tác bả bằng bột bả vào các kết cấu - tường trong nhà	m2	21.18		
39	Công tác bả bằng bột bả vào các kết cấu - tường ngoài nhà	m2	25.84		
40	Sơn tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	21.18		
41	Sơn tường ngoài nhà đã bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	25.84		
42	Tháo dỡ chậu rửa hiện hữu	bộ	1.00		
43	Tháo dỡ chậu tiểu hiện hữu	bộ	2.00		
44	Lắp đặt mới lavabo treo tường	bộ	1.00		
45	Lắp đặt mới chậu tiểu nam	bộ	2.00		
46	Lắp đặt vòi lạnh lavabo	bộ	1.00		
47	Lắp đặt bộ xả bồn bằng nhựa cho lavabo	bộ	1.00		
48	Lắp đặt mới bộ xả nhấn chậu tiểu nam	bộ	2.00		
49	Lắp đặt ống nhựa uPVC D=21mm	100m	0.04		
50	Lắp đặt ống nhựa uPVC D=34mm	100m	0.04		
51	Tháo dỡ gạch ốp tường	m2	0.20		
52	Công tác ốp gạch vào tường, tiết diện gạch $\leq 0,09m^2$, vữa XM PCB40 M75	m2	0.20		
Tổng cộng chi phí sau thuế (1)+(2)+...+(7)					

Ghi bằng chữ:

Hồ sơ gồm có :

- Báo giá tổng chi phí sau thuế theo bảng nêu trên
- Hồ sơ pháp lý
- Hồ sơ năng lực

Hồ sơ để vào trong một phong bì và đóng dấu niêm phong của Công ty

- Địa chỉ tiếp nhận: Phòng Tổ chức Hành chính - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre
- Thời gian tiếp nhận đến 11 giờ ngày 13/3/2024 tính theo dấu bưu điện (nếu gửi qua đường

bưu điện)

Nơi nhận :

- Website cdcbentre.org
- Lưu VT, Ki



Nguyễn Hữu Định